CTCP Cấp nước Sóc Trăng (UPCOM: STW)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	26,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-5.4%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	420
Số lượng CPLH (CP)	15,863,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	3,201
P/E	8.3

Tỷ suất lợi nhuận

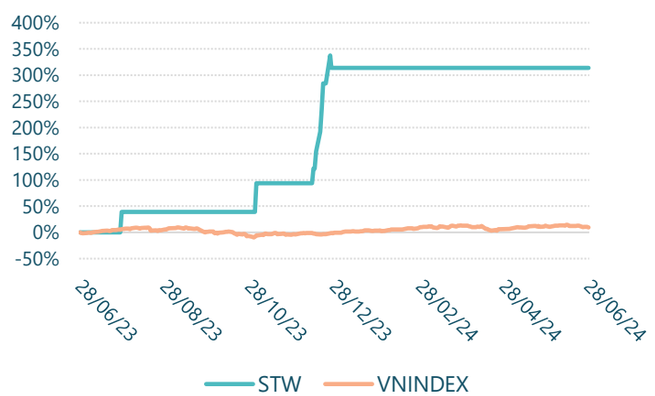

Doanh thu thuần

Q2/24

56.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.50 | 2.7%

YoY: ▲ 0.50 | 0.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

10.9%

YoY: +/-▲ 1.0%

LN gộp

Q2/24

32.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70 | 12.9%

YoY: ▲ 0.60 | 1.8%

ROE (TTM)

Q2/24

20.8%

YoY: +/-▼ 2.2%

LN trước thuế

Q2/24

21.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.80 | 38.3%

YoY: ▼2.00 | -8.6%

ROA (TTM)

Q2/24

18.7%

YoY: +/-▼ 2.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24

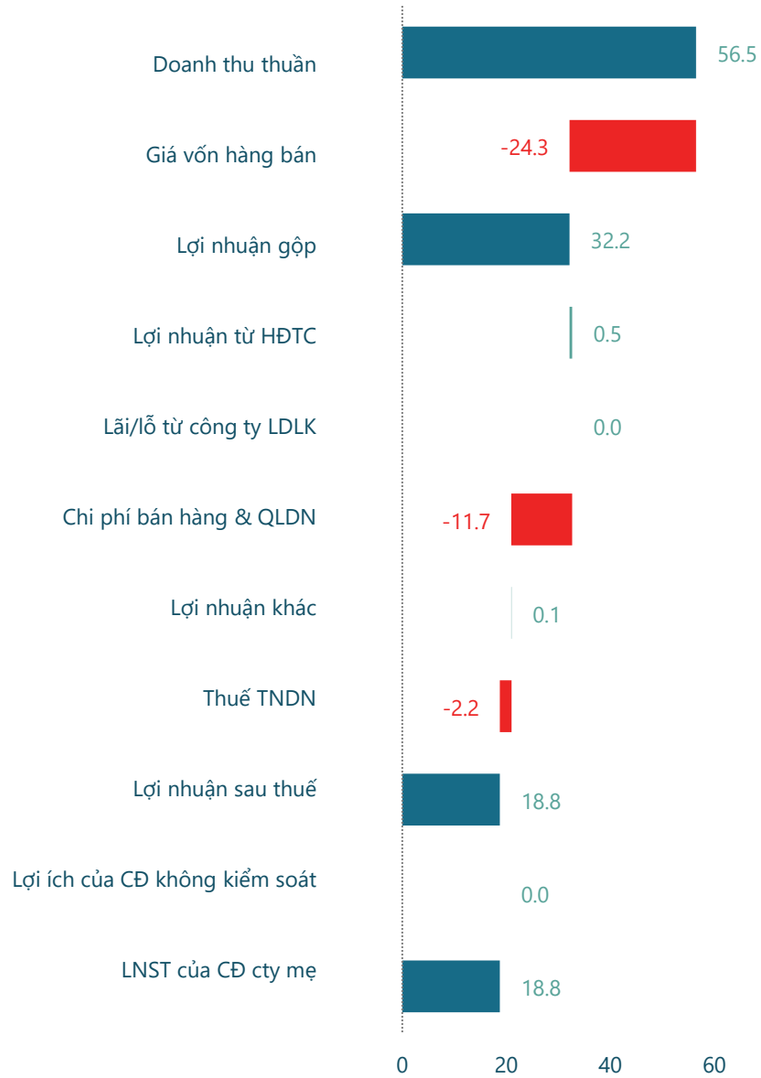

CTCP Cấp nước Sóc Trăng (UPCOM: STW)

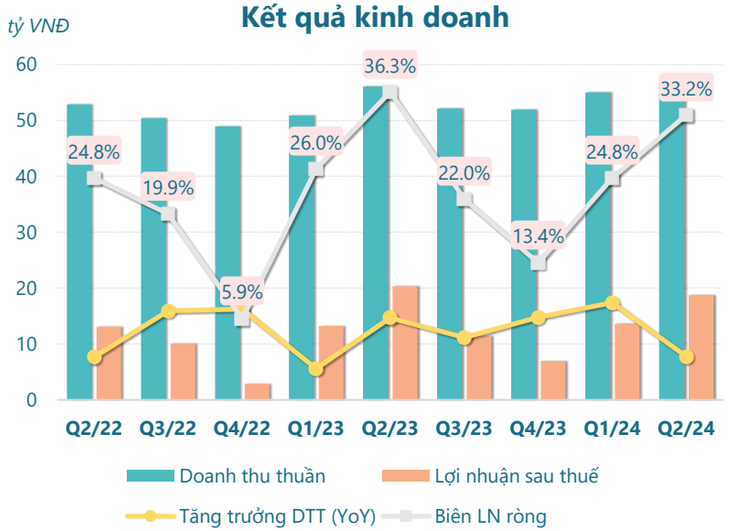

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 20.96 tỷ đồng**, tăng thêm 41.0% so với kỳ trước và thấp hơn 8.19% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.52 tỷ đồng**, tăng thêm 0.52 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 77.6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.06 tỷ đồng**, giảm đi 84.2% so với kỳ trước và thấp hơn 68.4% so với cùng kỳ năm trước.

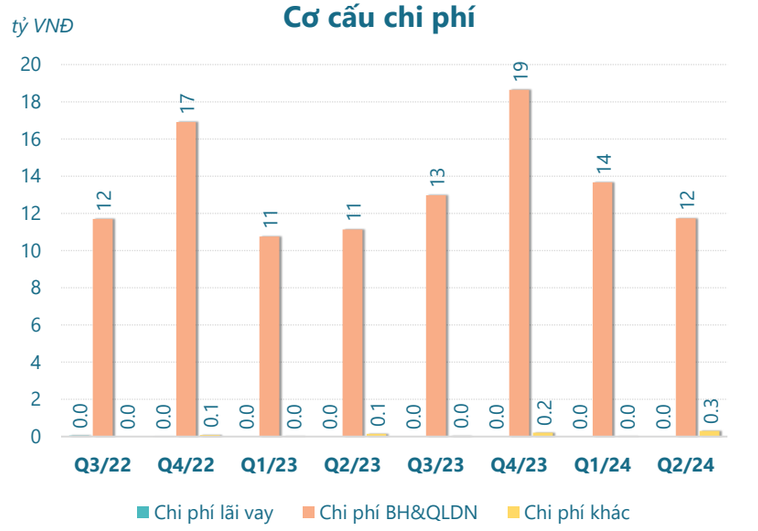

Kết quả kinh doanh của **STW** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **56.49 tỷ đồng** tăng thêm **0.80%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 18.78 tỷ đồng**, **giảm sút 7.71%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **111.0 tỷ đồng** cao hơn 3.74% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 32.00 tỷ đồng** thấp hơn 5.88% so với cùng kỳ năm trước.

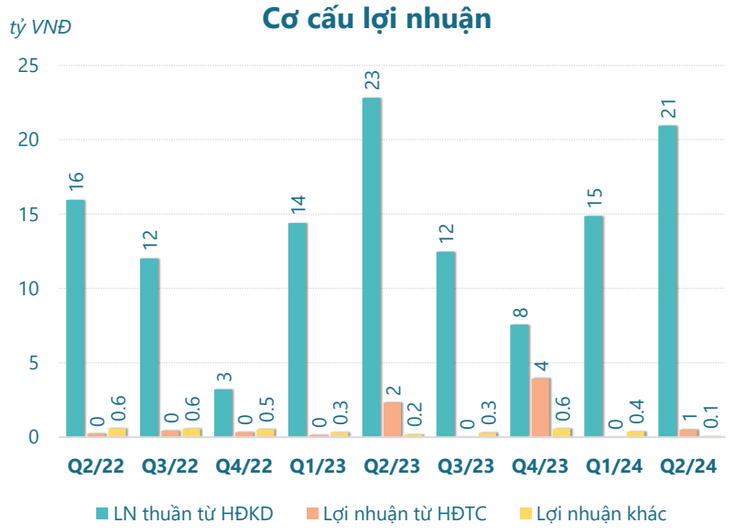

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **11.73 tỷ đồng** giảm đi 14.2% so với kỳ trước và cao hơn 5.30% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.30 tỷ đồng** tăng thêm 0.30 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cấp nước Sóc Trăng (UPCOM: STW)

FireAnt
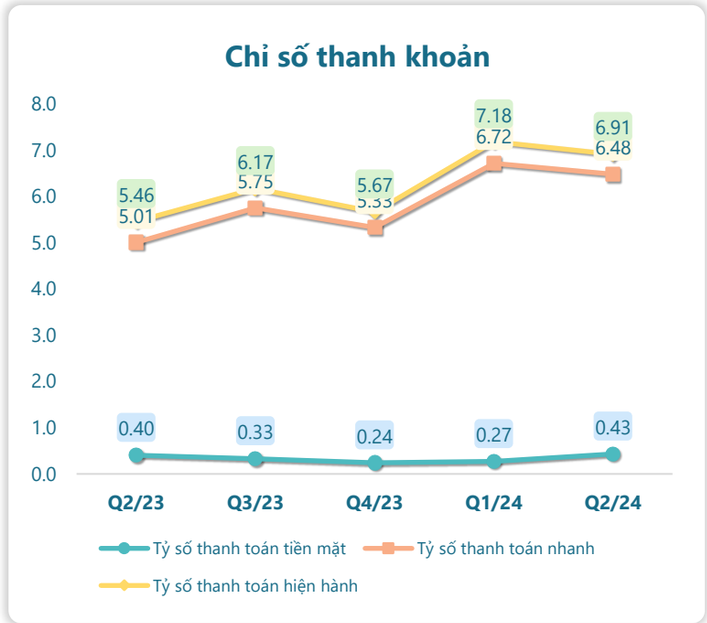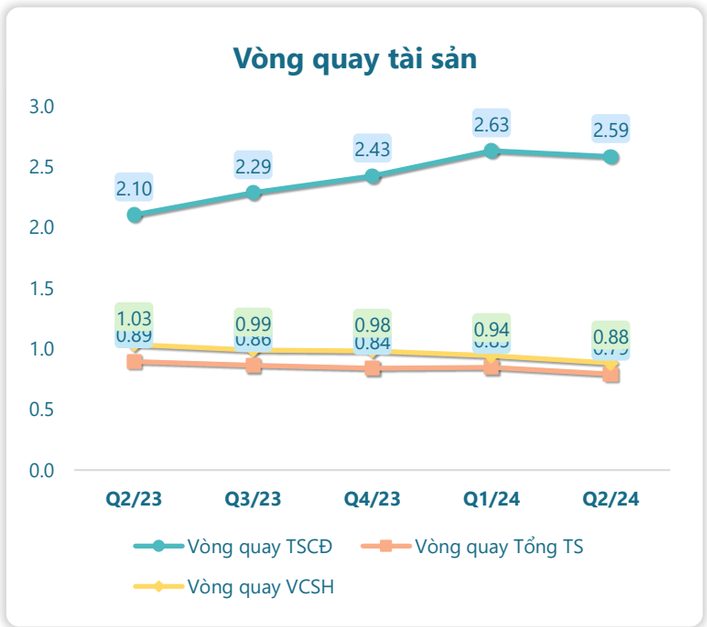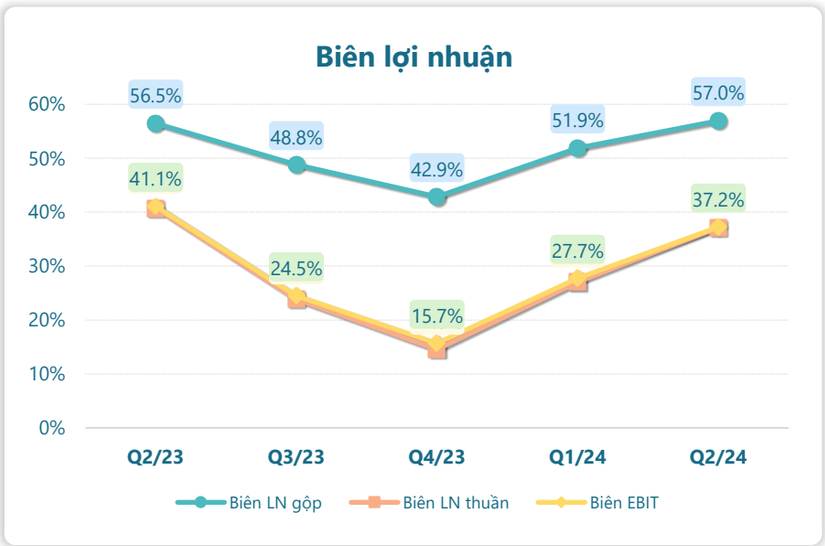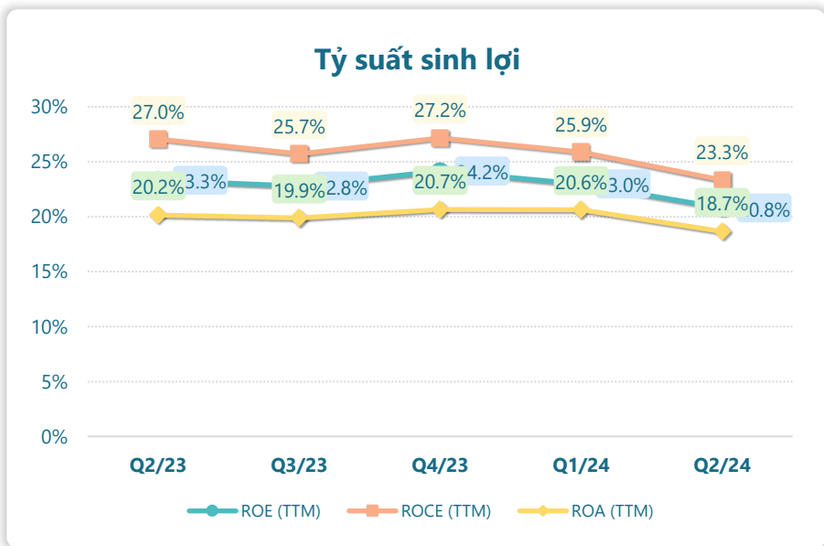
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**56.5**	**55.0**	**2.7%**	**56.0**	**0.9%**	**111**	**107**	**4.2%**
Giá vốn hàng bán	24.3	26.4	-7.9%	24.4	-0.3%	50.8	50.3	1.0%
Lợi nhuận gộp	32.2	28.5	12.9%	31.6	1.8%	60.7	56.7	7.1%
Doanh thu HĐTC	0.52	0.00		2.32	-77.4%	0.53	2.47	-78.7%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.54	6.43	-13.9%	6.20	-10.7%	12.0	11.1	8.2%
Chi phí QLDN	**6.19**	**7.24**	**-14.5%**	**4.94**	**25.3%**	**13.4**	**10.8**	**23.9%**
LN thuần từ HĐKD	21.0	14.9	40.7%	22.8	-8.1%	35.8	37.2	-3.8%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**0.38**	**-83.8%**	**0.19**	**-67.5%**	**0.44**	**0.52**	**-14.4%**
LN trước thuế	21.0	15.2	38.3%	23.0	-8.6%	36.3	37.7	-3.9%
Lợi nhuận sau thuế	**18.8**	**13.6**	**38.1%**	**20.4**	**-8.0%**	**32.4**	**33.6**	**-3.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.8**	**13.6**	**38.1%**	**20.4**	**-8.0%**	**32.4**	**33.6**	**-3.5%**